

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1187/2025/DS-ST
Ngày: 26/9/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thế Hùng.

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bình Minh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đường Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1295/2025/TLST- DS ngày 26 tháng 9 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1205/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 2438/2025/QĐH-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội;

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Viết Quý D, ông Hồ Sỹ H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Trọng H1, bà Nguyễn Thị Thùy T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Lầu A, B Q, Phường C, quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo giấy ủy quyền số 1707/2025/UQ-VPBank ngày 10/7/2025)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Diễm L1, năm sinh: 1985;

Địa chỉ: Số B, Đường A, phường P, thành phố T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2025 và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 22/5/2023, bà Trần Thị Diễm L1 có ký với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ (180-P-7964088). Căn cứ thu nhập của bà Trần Thị Diễm L1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 180.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 33,48%/năm.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Trần Thị Diễm L1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 979.081.419 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 799.087.770 đồng. Kể từ ngày 13/01/2024, bà Trần Thị Diễm L1 không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng vẫn bà Trần Thị Diễm L1 không có thiện chí trả nợ. Do bà Trần Thị Diễm L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 13/01/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đồng thời khởi kiện khách hàng. Tính đến ngày ngày 26/9/2025 bà Trần Thị Diễm L1 còn nợ Ngân hàng số tiền là 349.234.296 (Bằng chữ: ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi tư nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng trong đó:

Dư nợ gốc: 179.993.649 đồng;

Lãi quá hạn: 169.240.647 đồng.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc bà Trần Thị Diễm L1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày ngày 26/9/2025 là 349.234.296 (Bằng chữ: ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi tư nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng trong đó:

Dư nợ gốc: 179.993.649 đồng;

Lãi quá hạn: 169.240.647 đồng.

2. Buộc bà Trần Thị Diễm L1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngân hàng xác định chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Trần Thị Diễm L1 trả nợ, không yêu cầu ai khác.

Bị đơn bà Trần Thị Diễm L1, đã được toà án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Trần Thị Diễm L1 có nơi cư trú tại Số B, Đường A, phường P, thành phố T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn bà Trần Thị Diễm L1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến toà, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 22/5/2023, bà Trần Thị Diễm L1 có ký với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ (180-P-7964088). Căn cứ thu nhập của bà Trần Thị Diễm L1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 180.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 33,48%/năm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Trần Thị Diễm L1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 979.081.419 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 799.087.770 đồng. Kể từ ngày 13/01/2024, bà Trần Thị Diễm L1 vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, đã ký, không thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng bất kỳ khoản nào dù đã đôn đốc và nhắc nhở nhiều. Vì vậy, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/9/2025 bà Trần Thị Diễm L1 còn nợ Ngân hàng số tiền 349.234.296 (Bằng chữ: ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi tư nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng trong đó:

Dư nợ gốc: 179.993.649 đồng;

Lãi quá hạn: 169.240.647 đồng.

Xét thấy, hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Ngoài ra, Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019

của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn “Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự 2005, Bộ luật Dân sự 2015 để xác định lãi, lãi suất”.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V buộc bà bà Trần Thị Diễm L1 phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 349.234.296 (Bằng chữ: ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi tư nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng trong đó:

Dư nợ gốc: 179.993.649 đồng;

Lãi quá hạn: 169.240.647 đồng.

Ngoài ra, bà bà Trần Thị Diễm L1 còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V:

Buộc bà bà Trần Thị Diễm L1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 349.234.296 (Bằng chữ: ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi tư nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng trong đó:

Dư nợ gốc: 179.993.649 đồng;

Lãi quá hạn: 169.240.647 đồng.

Bà Trần Thị Diễm L1 còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP V.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 17.461.715 (mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm mười lăm) đồng bà Trần Thị Diễm L1 phải chịu, bà Trần Thị Diễm L1 chưa nộp tiền án phí.

Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.479.404 (sáu triệu bốn trăm bốn bảy mươi chín nghìn bốn trăm lẻ bốn) đồng theo Biên lai thu số 0000078 ngày 23/5/2025 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh) lập.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - TP.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Trang

